

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN BIÊN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 30 – 7 – 2020

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thị Gấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Trần Thị Mộng Lành**

2. Ông **Hà Minh Hằng**

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Việt là Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 30 tháng 7 năm 2019, tại Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 322/2020/TLST-HNGĐ, ngày 26 tháng 12 năm 2019 về việc: “Ly hôn , tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2020/QĐXXST – HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 22/2020/QĐST – HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh **Danh Xà R** (tên gọi khác **Danh L**), sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp **T**, xã **Đ Y**, huyện **A**, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Chị **Lý Thị P**, sinh năm 1988;

Nơi ĐKKH: Khu phố **C**, thị trấn **T**, huyện **A B**, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở: Ấp **T**, xã **Đ Y**, huyện **A**, tỉnh Kiên Giang.

(Anh **R** có mặt tại phiên tòa, chị **P** vắng mặt tại phiên tòa lần 02 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn Danh Xà R trình bày và yêu cầu như sau:

Anh Danh Xà R và chị Lý Thị P cưới nhau vào năm 2008, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán của địa phương và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đông Yên, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang ngày 29/01/2008.

Vợ chồng chung sống với nhau đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng về quan điểm sống, dẫn đến đời sống vợ chồng không hạnh phúc, đã hàn gắn nhưng không được, mục đích hôn nhân không đạt được. Vợ chồng đã ly thân 10 năm nay.

Anh R yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Anh R xin được ly hôn với chị Lý Thị P.

Về con chung: Có 01 con chung tên Danh Chí V, sinh ngày 03/12/2008, anh R yêu cầu được tiếp tục nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ và người khác nợ vợ chồng: Anh R xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Lý Thị P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và vắng mặt tại phiên tòa đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trình bày.

Tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án: 01 giấy chứng minh nhân dân, 01 sổ hộ khẩu (bản photo); 01 giấy chứng nhận kết hôn (bản sao); Đơn xin xác nhận tình trạng cư trú của đương sự (bản chính); biên bản xác minh ngày 01/10/2019 và ngày 22/10/2019.

Tại phiên tòa hôm nay: Anh R tiếp tục xin ly hôn với chị P, yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con; chị P vắng mặt tại phiên tòa nên không có ý kiến gì.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa phát biểu: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn đảm bảo đúng theo quy định, đề nghị áp dụng Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn. Đề nghị áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân gia đình, xử cho anh R được ly hôn với chị P; Về con chung: Căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân gia đình giao con cho anh

R nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện việc anh R không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản và nợ chung: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Do bị đơn chị Lý Thị P có nơi cư trú trên địa bàn huyện An Biên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên theo quy định tại Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Trong quá trình Tòa án tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các thủ tục tố tụng cho chị Lý Thị P theo quy định pháp luật nhưng chị P vắng mặt không lý do. Nguyên đơn anh R yêu cầu xét xử vắng mặt bị đơn chị Lý Thị P. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt chị P.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Anh R xin ly hôn với chị P nên quan hệ pháp luật của vụ án được xác định là “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung”.

[4] Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn của anh R, Hội đồng xét xử xét thấy: Anh R và chị P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, anh chị thực hiện việc đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại Ủy ban nhân dân xã Đông Yên, huyện An Biên nên hôn nhân giữa anh R và chị P là hợp pháp.

Quá trình giải quyết vụ án mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị P vắng mặt đồng thời không gửi văn bản nêu ý kiến trước yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh R, không thể hiện hiện ý chí hàn gắn hôn nhân. Qua lời trình bày của anh R và kết quả xác minh từ chính quyền từ địa phương có cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng anh chị đã thực sự trầm trọng, bởi do vợ chồng thường xuyên xảy ra cự cãi, bất đồng, không hợp nhau. Sau khi mâu thuẫn thì vợ chồng đã tự ly thân khoảng 10 năm nay và không ai còn quan tâm, chăm lo, giúp đỡ nhau trong cuộc sống làm cho gia đình không hạnh phúc và mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận yêu cầu của anh R được ly hôn với chị P.

Về con chung: Anh R xác định vợ chồng có 01 con chung tên Danh Chí V, sinh ngày 03/12/2008 hiện đang sống với anh R, anh R yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân chị P không có tới lui thăm con, không hỗ trợ về vật chất để anh R nuôi con chung. Anh R có đủ điều kiện về kinh tế (để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng và hiện nay cháu được cho đi học và phát triển bình thường). Do đó, trong thảo luận và nghị án Hội đồng xét xử thống nhất tiếp tục giao cháu Vỹ cho anh R tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh R không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con, nên ghi nhận sự tự nguyện của anh R về việc không yêu cầu chị P cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, nợ và người khác nợ lại vợ chồng: Anh R xác định không có, chị P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh R phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

[6] Hội đồng xét xử, xét lời phát biểu của kiểm sát viên là có căn cứ và phù hợp với quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 28, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Danh Xà R đối với bị đơn chị Lý Thị P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Danh Xà R được ly hôn với chị Lý Thị P.

2. Về con chung: Tiếp tục giao cháu Danh Chí V, sinh ngày 03/12/2008 cho anh Danh Xà R trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của anh Danh Xà R về việc không yêu cầu chị Lý Thị P cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị P không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con, khi cần thiết cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án xem xét và quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung, nợ và người khác nợ lại vợ chồng: Anh R xác định không có, chị P không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí hôn nhân sơ thẩm: Anh Danh Xà R có nghĩa vụ nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0008341 ngày 26/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Vậy anh R đã nộp đủ án phí.

5. Quyền kháng cáo:

Án sơ thẩm xử công khai, anh R có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (03/7/2020). Chị Lý Thị P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- THADS huyện An Biên;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Các đương sự;
- UBND xã Đông Yên ;
- Lưu hồ sơ văn phòng (V).

Thị Gấm